

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19



CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Tuấn Nam	Chủ tịch
Ông Lê Mạnh Tuấn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2011)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên/Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2011)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2011)
Ông Đông Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2011)
Ông Vũ Thành Lê	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 11 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2012

2012
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
QUẬN 4, TP. HCM

Số: 1077/2012/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Công việc kiểm toán của chúng tôi bị giới hạn do chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán của khoản phải thu khác từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè với số tiền 80.000.000.000 đồng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Nếu Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái", lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 58.632.034.647 đồng (năm 2010: tăng 14.268.071.843 đồng), lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 85.648.303.072 đồng và khoản mục "chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Công văn số 322/UBCK-QLPH hướng dẫn một số vướng mắc trong xử lý kế toán, kiểm toán báo cáo tài chính áp dụng do Ủy ban Chứng khoán nhà nước ban hành ngày 4 tháng 2 năm 2012. Theo đó, đối với các công ty áp dụng Thông tư 201, lỗ do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá của các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ có thể được phân bổ cho năm sau để kết quả kinh doanh của Công ty không bị lỗ (nhưng không được để lãi). Nếu Công ty áp dụng theo hướng dẫn của Công văn số 322/UBCK-QLPH, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính 2011 sẽ giảm 3.474.646.468 đồng và số dư nợ của khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng với số tiền tương ứng.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.283.663.288.384	1.547.199.156.376
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	69.110.272.222	508.943.445.699
1. Tiền	111		1.210.028.173	943.445.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.900.244.049	508.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		501.111.400.000	235.276.600.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	501.111.400.000	235.276.600.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		701.122.670.636	791.918.918.060
1. Phải thu khách hàng	131		170.142.288.138	356.397.844.337
2. Trả trước cho người bán	132		420.630.307.920	420.630.307.920
3. Phải thu khác	135	7	110.350.074.578	14.890.765.803
IV. Hàng tồn kho	140	8	11.922.712.785	10.677.888.000
1. Hàng tồn kho	141		11.922.712.785	10.677.888.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		396.232.741	382.304.617
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		366.232.741	372.304.617
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		30.000.000	10.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.344.417.352.562	1.345.107.918.875
I. Tài sản cố định	220		1.338.566.893.234	1.326.133.506.887
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	761.310.937.307	825.352.466.209
- Nguyên giá	222		982.639.129.633	982.639.129.633
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(221.328.192.326)	(157.286.663.424)
2. Tài sản cố định vô hình	227		37.916.665	59.583.333
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.083.335)	(5.416.667)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	577.218.039.262	500.721.457.345
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.850.459.328	18.974.411.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.850.459.328	18.974.411.988
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.628.080.640.946	2.892.307.075.251

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	
			31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.763.702.032.557	1.921.382.494.277
I. Nợ ngắn hạn	310		412.822.863.806	491.418.025.548
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	260.437.647.973	186.761.378.064
2. Phải trả người bán	312		10.850.323.902	177.509.196.084
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	6.775.894.277	7.391.367.467
4. Phải trả người lao động	315		394.841.482	325.235.935
5. Chi phí phải trả	316		27.781.327.576	9.832.353.435
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	105.003.136.585	107.982.929.942
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.579.692.011	1.615.564.621
II. Nợ dài hạn	330		1.350.879.168.751	1.429.964.468.729
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	1.350.879.168.751	1.429.964.468.729
B. NGUỒN VỐN	400		864.378.608.389	970.924.580.974
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	864.378.608.389	970.924.580.974
1. Vốn điều lệ	411		942.750.280.000	942.750.280.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(85.648.303.072)	(27.016.268.425)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	27.821.734.659
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.091.048.698	3.749.564.621
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.874.782.311	1.874.782.311
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		310.800.452	21.744.487.808
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.628.080.640.946	2.892.307.075.251

**Lê Mạnh Tuấn**
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Lê Anh Nam
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	
		2011	2010
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	281.430.732.819	341.160.850.996
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	281.430.732.819	341.160.850.996
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	(239.435.106.628)	(249.721.548.360)
4. Lợi nhuận gộp	20	41.995.626.191	91.439.302.636
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	117.758.197.647
6. Chi phí tài chính	22	17	(154.335.862.671)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(41.835.197.025)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(1.943.314.699)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.474.646.468
9. Thu nhập khác	31		-
10. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.474.646.468
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	(3.163.846.016)
13. Lợi nhuận sau thuế	60		310.800.452
14. Lãi trên cổ phiếu	80	19	3
			219

Lê Mạnh Tuấn
Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Lê Anh Nam
Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, phường 6, quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU SỐ B 03-DN**
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.474.646.468	29.053.723.744
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	64.063.195.570	63.364.991.833
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	80.875.901.473	93.424.094.138
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(95.648.964.855)	(65.640.285.623)
Chi phí lãi vay	06	41.835.197.025	36.468.916.245
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	94.599.975.681	156.671.440.337
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	177.540.206.697	(147.524.845.291)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.244.824.785)	3.011.163.302
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(352.964.660.790)	291.860.800.940
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	13.130.024.536	(18.990.264.580)
Tiền lãi đã trả	13	(41.835.197.025)	(36.468.916.245)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(6.465.413.995)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.143.097.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(111.917.572.686)	242.093.964.468
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(73.696.616.392)	(60.659.549.081)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(261.000.000.000)	(102.000.000.000)
3. Thu lãi tiền gửi	27	6.760.454.811	50.749.519.820
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(327.936.161.581)	(111.910.029.261)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(439.853.734.267)	130.183.935.207
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	508.943.445.699	379.456.913.507
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	20.560.790	(697.403.015)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	69.110.272.222	508.943.445.699

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và đầu tư xây dựng không bao gồm 2.799.965.525 đồng (năm 2010: 60.724.549.081 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm chưa thanh toán. Ngoài ra, cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm 30.600.000.000 đồng đã được cản trừ công nợ với Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và 352.816.225 đồng là số tiền cổ tức phải trả mà chưa được thanh toán tại thời điểm kết thúc niên độ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**Lê Mạnh Tuấn**
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Lê Anh Nam
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 1 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 10 người (2010: 10 người).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ) theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 22.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác ngắn hạn và phải trả khác dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, thể hiện giá trị phương tiện vận tải, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phương tiện vận tải được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 15 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Khi giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm, doanh thu được ghi nhận trong năm theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục này được hạch toán như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu hạch toán chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm 58.632.034.647 đồng (năm 2010: tăng 14.268.071.843 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và, ngoài ra, không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

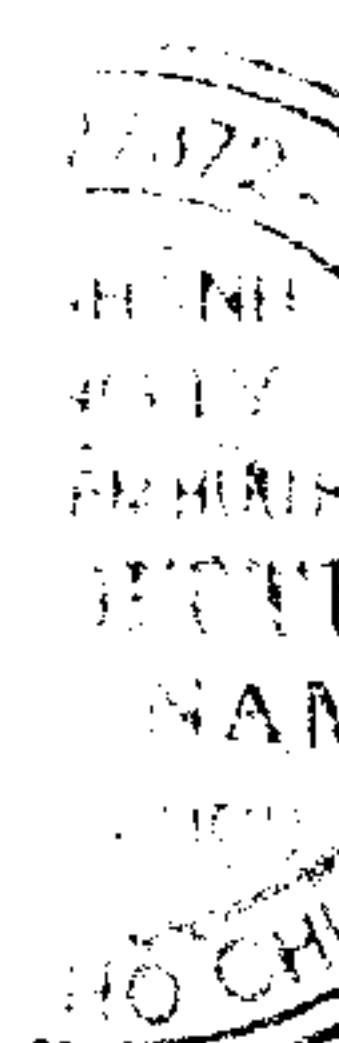
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	59.713.184	130.228.959
Tiền gửi ngân hàng	1.150.314.989	813.216.740
Các khoản tương đương tiền	67.900.244.049	508.000.000.000
	<u>69.110.272.222</u>	<u>508.943.445.699</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng trong thời hạn từ một đến ba tháng và hưởng mức lãi suất hàng năm là 14%.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ sáu tháng đến chín tháng tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng với lãi suất 14%/năm (VND) và khoản tiền cho vay ủy thác ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam với lãi suất 1,5%/năm (USD).

7. PHẢI THU KHÁC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng dầu Phương Nam	16.228.930.295	10.866.283.441
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	388.888.889	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí	7.562.880.000	-
Tổng Cty Tài chính CP Dầu khí VN - CN Sài Gòn	682.500.000	-
Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu khí Vũng Tàu	1.403.172	1.441.362
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè (*)	80.000.000.000	-
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	5.485.472.222	4.023.041.000
	<u>110.350.074.578</u>	<u>14.890.765.803</u>

(*) Khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nhà Bè tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được Ngân hàng xác nhận do đang tranh chấp và chờ kết luận của cơ quan điều tra.

8. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu tồn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 1/1/2011 và 31/12/2011

982.639.129.633

HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 1/1/2011

157.286.663.424

Khấu hao trong năm

64.041.528.902

Tại ngày 31/12/2011

221.328.192.326

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2011

761.310.937.307

Tại ngày 31/12/2010

825.352.466.209

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí phát sinh trong quá trình đóng tàu với trọng tải 105.000 DWT tại Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp tàu thủy Dung Quất tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

Phong tiện
vận tải
VNĐ

982.639.129.633

157.286.663.424

64.041.528.902

221.328.192.326

761.310.937.307

825.352.466.209

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí đóng tàu	205.463.600.076	205.463.600.076
Chi phí tư vấn dự án đóng tàu	4.744.074.191	4.744.074.191
Chi phí tư vấn và phê duyệt bản vẽ thiết kế	2.418.135.523	2.418.135.523
Chi phí tư vấn và lựa chọn thiết kế	279.231.183	279.231.183
Chi phí thuê chuyên gia giám sát thi công	33.052.831.610	27.021.248.897
Chi phí tài chính	276.541.921.656	227.210.360.620
Chi phí quản lý	36.000.000.000	28.800.000.000
Chi phí khác	18.718.245.023	4.784.806.855
	<u>577.218.039.262</u>	<u>500.721.457.345</u>

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.466.027.897	5.249.085.306
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.218.670.590	2.054.824.574
Các khoản khác	91.195.790	87.457.587
	<u>6.775.894.277</u>	<u>7.391.367.467</u>

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	10.253.000	10.253.000
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất	2.481.885.308	2.255.956.052
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	102.000.000.000	105.654.341.647
Các khoản phải trả, phải nộp khác	510.998.277	62.379.243
	<u>105.003.136.585</u>	<u>107.982.929.942</u>

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Phải trả dài hạn khác thể hiện các khoản vay từ Citi bank Việt Nam thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí để mua tàu Athena và đóng tàu Aframax.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	260.437.647.973	186.761.378.064
Trong năm thứ hai	151.919.140.408	236.729.669.264
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	455.757.421.224	552.358.960.903
Sau năm năm	743.202.607.119	640.875.838.562
	<u>1.611.316.816.724</u>	<u>1.616.725.846.793</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(260.437.647.973)</u>	<u>(186.761.378.064)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.350.879.168.751</u>	<u>1.429.964.468.729</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn cổ phần đã phát hành**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	94.275.028	120.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>942.750.280.000</u>	<u>1.200.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	94.275.028	94.275.028
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>942.750.280.000</u>	<u>942.750.280.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Trong năm, theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/TBD-ĐHĐCĐ-NQ ngày 26 tháng 5 năm 2011, Công ty quyết định giảm Vốn điều lệ đã đăng ký ban đầu là 1.200.000.000.000 đồng bằng số vốn góp thực tế là 942.750.280.000 đồng. Công ty đã thay đổi Vốn điều lệ trên Giấy phép Đăng ký Doanh nghiệp.

Chi tiết các cổ đông sáng lập và cổ đông lớn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	612.000.000.000	51	612.000.000.000	612.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	120.000.000.000	10	95.503.470.000	95.503.470.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	120.000.000.000	10	84.496.530.000	84.496.530.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	120.000.000.000	10	120.000.000.000	120.000.000.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1/1/2010	942.750.280.000	(41.284.340.268)	-	-	-	37.495.646.212	938.961.585.944
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	21.744.487.808	21.744.487.808
Trích các quỹ	-	-	27.821.734.659	3.749.564.621	1.874.782.311	(37.495.646.212)	(4.049.564.621)
Chênh lệch tỷ giá	-	14.268.071.843	-	-	-	-	14.268.071.843
Tại ngày 31/12/2010	<u>942.750.280.000</u>	<u>(27.016.268.425)</u>	<u>27.821.734.659</u>	<u>3.749.564.621</u>	<u>1.874.782.311</u>	<u>21.744.487.808</u>	<u>970.924.580.974</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	310.800.452	310.800.452
Trích các quỹ	-	-	-	1.341.484.077	-	(2.428.708.467)	(1.087.224.390)
Hoàn nhập quỹ	-	-	(27.821.734.659)	-	-	27.821.734.659	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(47.137.514.000)	(47.137.514.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	(58.632.034.647)	-	-	-	-	(58.632.034.647)
Tại ngày 31/12/2011	<u>942.750.280.000</u>	<u>(85.648.303.072)</u>	<u>-</u>	<u>5.091.048.698</u>	<u>1.874.782.311</u>	<u>310.800.452</u>	<u>864.378.608.389</u>

Trong năm, theo Nghị quyết số 01/TBD-ĐHĐCĐ-NQ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương ngày 26 tháng 5 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Công ty bằng việc trích lập quỹ Dự phòng tài chính và quỹ Khen thưởng và phúc lợi tương ứng là 1.341.484.077 đồng và 1.087.224.390 đồng, hoàn nhập quỹ Đầu tư phát triển và chia cổ tức cho các cổ đông là 47.137.514.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.472.813.729	100.230.984.462
Chi phí nhân công	23.723.625.712	17.750.562.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.063.195.570	63.364.991.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.748.569.462	63.497.922.573
Chi phí khác	8.370.216.854	6.847.839.822
	<u>241.378.421.327</u>	<u>251.692.300.804</u>

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	95.648.964.855	65.640.285.623
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.108.793.145	4.070.328.420
Doanh thu hoạt động tài chính khác	439.647	-
	<u>117.758.197.647</u>	<u>69.710.614.043</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	41.835.197.025	36.468.916.245
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	80.875.901.473	93.424.094.138
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.089.685.679	344.205.831
Lỗ do giao dịch hoán đổi ngoại tệ	18.505.998.147	-
Chi phí tài chính khác	29.080.347	-
	<u>154.335.862.671</u>	<u>130.237.216.214</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	3.474.646.468	29.053.723.744
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	9.180.737.596	183.220.000
Thu nhập chịu thuế	<u>12.655.384.064</u>	<u>29.236.943.744</u>
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.163.846.016</u>	<u>7.309.235.936</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty như sau:

	2011 <u>VNĐ</u>	2010 <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	310.800.452	21.744.487.808
Điều chỉnh	-	(1.087.224.390)
Lợi nhuận dùng để chia cho cổ đông	310.800.452	20.657.263.418
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	94.275.028	94.275.028
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3</u>	<u>219</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Tổng Công ty Vận tải Dầu khí đã ký kết hợp đồng đóng tàu với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và chuyển giao cho Công ty. Giá trị ước tính của con tàu là 84.288.802 đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng chi phí phát sinh liên quan đến việc đóng tàu là 997.848.347.182 đồng (tương đương 58.598.049 đô la Mỹ).

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>413.911.785</u>	<u>421.966.955</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Trong vòng một năm	436.688.179	463.091.866
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>327.516.134</u>	<u>810.410.765</u>
	<u>764.204.313</u>	<u>1.273.502.631</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty.

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.110.272.222	508.943.445.699
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.492.362.716	371.288.610.140
Tài sản tài chính khác	<u>501.141.400.000</u>	<u>235.286.600.000</u>
Tổng cộng	<u>850.744.034.938</u>	<u>1.115.518.655.839</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.611.316.816.724	1.616.725.846.793
Phải trả người bán và phải trả khác	115.853.460.487	285.492.126.026
Chi phí phải trả	<u>27.781.327.576</u>	<u>9.832.353.435</u>
Tổng cộng	<u>1.754.951.604.787</u>	<u>1.912.050.326.254</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.617.278.850.469	1.697.064.612.335	55.689.335.713	28.246.042.680
<i>Yên Nhật (JPY)</i>	-	-	27.543	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất thông qua Tổng Công ty vận tải dầu khí. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 23.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG384 Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Các khoản vay	260.437.647.973	1.350.879.168.751	1.611.316.816.724
Phải trả người bán và phải trả khác	115.853.460.487	-	115.853.460.487
Chi phí phải trả	27.781.327.576	-	27.781.327.576
31/12/2010			
Các khoản vay	186.761.378.064	1.429.964.468.729	1.616.725.846.793
Phải trả người bán và phải trả khác	285.492.126.026	-	285.492.126.026
Chi phí phải trả	9.832.353.435	-	9.832.353.435

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.110.272.222	-	69.110.272.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.492.362.716	-	280.492.362.716
Tài sản tài chính khác	501.141.400.000	-	501.141.400.000
31/12/2010			
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.110.272.222	-	69.110.272.222
Phải thu khách hàng và phải thu khác	280.492.362.716	-	280.492.362.716
Tài sản tài chính khác	501.141.400.000	-	501.141.400.000

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>250.103.939.783</u>	<u>341.096.038.606</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>18.704.067.635</u>	<u>61.314.338.239</u>
Nhận dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	5.985.037.366	3.385.873.703
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	4.108.001.412	14.333.421.386
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	16.282.610.671	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia VN	<u>667.000.000</u>	<u>-</u>
Gốc, lãi vay và phí		
Tổng Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí	<u>290.229.848.599</u>	<u>-</u>
Cổ tức công bố trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	30.600.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	4.775.173.500	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	4.224.826.500	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	<u>6.000.000.000</u>	<u>-</u>

